

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

MỤC LỤC**Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

8 – 9

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

10 – 42



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05/01/2022)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05/01/2022)
Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên
Ông Võ Thanh Lâm	Thành viên độc lập

Danh sách các thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Thanh Lâm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05/01/2022)
Bà Nguyễn Thanh Dung	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Dung

Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Số: 486/2023/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1



Phan Hoài Nam
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3527-2021-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.776.224.134.649	1.187.190.914.385
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.107.831.327	5.630.071.014
1. Tiền	111		4.107.831.327	5.630.071.014
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.701.000.000	1.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	26.701.000.000	1.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		485.880.763.728	165.584.989.598
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	377.943.648.532	170.172.090.641
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	106.359.363.005	2.297.709.514
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	23.493.438.055	14.451.558.723
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(21.992.940.052)	(21.408.645.820)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		77.254.188	72.276.540
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	1.240.195.761.656	1.006.276.482.958
1. Hàng tồn kho	141		1.240.195.761.656	1.006.276.482.958
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.338.777.938	9.698.370.815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.610.262.664	1.323.142.472
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.698.370.987	8.375.228.343
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	30.144.287	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		592.385.530.795	700.183.972.094
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.230.591.187	4.089.504.983
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	2.230.591.187	4.089.504.983
II. Tài sản cố định	220		346.358.035.550	456.356.366.288
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	311.225.560.262	432.892.791.484
Nguyên giá	222		1.190.598.578.025	1.194.698.508.066
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(879.373.017.763)	(761.805.716.582)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.11	28.574.120.545	16.619.526.353
Nguyên giá	225		30.730.344.077	30.860.360.747
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.156.223.532)	(14.240.834.394)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	6.558.354.743	6.844.048.451
Nguyên giá	228		11.815.527.730	11.815.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.257.172.987)	(4.971.479.279)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		204.188.966.906	200.687.254.468
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	204.188.966.906	200.687.254.468
IV. Tài sản dài hạn khác	260		39.607.937.152	39.050.846.355
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	39.607.937.152	39.050.846.355
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.368.609.665.444	1.887.374.886.479

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.456.968.171.256	823.005.235.435
I. Nợ ngắn hạn	310		1.409.446.880.626	821.166.435.435
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	126.765.246.750	209.769.519.841
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	16.856.686.798	12.069.589.686
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	815.689.243	5.260.933.793
4. Phải trả người lao động	314		3.287.602.821	3.403.599.065
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	15.479.775.666	14.766.622.831
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	21.649.571.697	141.222.853.842
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	1.214.447.754.754	424.207.763.480
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.144.552.897	10.465.552.897
II. Nợ dài hạn	330		47.521.290.630	1.838.800.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	15.204.992.824	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		32.316.297.806	1.838.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		911.641.494.188	1.064.369.651.044
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	911.641.494.188	1.064.369.651.044
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		166.825.342.471	166.825.342.471
3. Cổ phiếu quỹ	415		(14.481.143.515)	(14.481.143.515)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		49.202.852.835	49.202.852.835
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.506.769.934	2.584.769.934
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.231.632.463	245.881.789.319
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		245.881.789.319	194.523.101.405
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(152.650.156.856)	51.358.687.914
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.368.609.665.444	1.887.374.886.479

Phê duyệt



Người lập

Nguyễn Thanh Dung

Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.613.986.903.890	1.381.840.902.134
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.477.462.011	1.089.790.457
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.612.509.441.879	1.380.751.111.677
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.574.105.954.993	1.218.774.695.581
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.403.486.886	161.976.416.096
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	401.643.970	925.780.141
7. Chi phí tài chính	22	5.4	74.172.043.754	43.032.370.895
Trong đó, chi phí lãi vay	23		56.027.187.576	42.738.038.151
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	6.806.676.704	7.749.037.149
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	21.025.087.844	16.339.500.370
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(63.198.677.446)	95.781.287.823
11. Thu nhập khác	31		3.797.634.045	3.257.944.788
12. Chi phí khác	32	5.7	62.771.615.649	48.149.825.868
13. Lợi nhuận khác	40		(58.973.981.604)	(44.891.881.080)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(122.172.659.050)	50.889.406.743
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		30.477.497.806	(5.240.306.824)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(152.650.156.856)	56.129.713.567
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(152.650.156.856)	56.129.713.567
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.4	(2.518)	883
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.5	(2.518)	883



Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(122.172.659.050)	50.889.406.743
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	122.641.966.530	69.801.717.529
Các khoản dự phòng	03		584.294.232	380.268.341
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.023.478.406	(210.437.041)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.001.458.004)	(457.476.967)
Chi phí lãi vay	06	5.4	56.027.187.576	42.738.038.151
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		57.102.809.690	163.141.516.756
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(327.344.297.210)	28.574.540.069
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(233.940.372.238)	486.056.086.951
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(204.236.133.149)	(143.060.448.653)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.844.210.989)	2.648.349.016
Tiền lãi vay đã trả	14		(56.027.187.576)	(42.773.906.055)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(567.062.100)	(924.639.778)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(766.856.453.572)	493.661.498.306
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.245.597.765)	(48.675.261.095)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		30.762.611.759	854.545.455
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51.330.000.000	3.010.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	87.372.375	96.483.408
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.095.613.631)	(44.714.232.232)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	2.153.648.996.464	1.044.481.626.500
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(1.369.803.071.288)	(1.465.346.946.871)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(8.128.124.133)	(27.366.220.551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		775.717.801.043	(448.231.540.922)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(2.234.266.160)	715.725.152
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.630.071.014	4.781.667.643
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		543.964.373	132.678.219
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	3.939.769.227	5.630.071.014



Phê Duyệt

Người lập

Nguyễn Thanh Dung

Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 03 năm 2022 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán là DTL theo Giấy phép Niêm yết do SGDCKHCM cấp ngày 28 tháng 05 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ	Ghi chú
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	Số 79A Trần Hưng Đạo, Khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang tạm ngừng hoạt động đến 31/12/2022
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.	Đang hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	Thông Giáng Nam 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	Đang hoạt động

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31/12/2022 là 219 (31/12/2021 là: 170).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm – kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép;
- Kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng;
- Sản xuất điện mặt trời, truyền tải và phân phối điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Nhóm công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Một số sự kiện có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty trong năm như sau:

- Giá bán thép có xu hướng giảm dần vào thời điểm cuối năm, cụ thể giảm khoảng 32% so với năm 2021, tuy nhiên sản lượng bán ra tăng 33% do trong năm Nhóm công ty phát triển thêm hoạt động nhập khẩu và bán thép cán nóng nên đã góp phần làm tăng doanh thu năm 2022.
- Do giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục giảm mạnh từ giữa năm 2022 và với sự cạnh tranh bằng việc hạ giá bán của các doanh nghiệp trong ngành để kích cầu đã làm cho giá bán thép trên thị trường liên tục giảm mạnh từ nửa cuối năm 2022. Kết quả là tốc độ giảm giá thành chậm hơn là tốc độ giảm giá bán nên lợi nhuận gộp năm nay của Nhóm công ty đã giảm là 10% so với năm 2021.

1.6. Cấu trúc Nhóm công ty

Năm 2022, Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 2 công ty con trực tiếp. Trong năm, không có thay đổi cấu trúc của Nhóm công ty.

1.7. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH Một Thành viên Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%
2.	Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 8 – 20 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 4 – 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 7 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 6 năm.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể máy móc, thiết bị là 72 tháng.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 tháng đến 36.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

3.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.20. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Nhóm công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 (mười hai) năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2012 đến năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2021).

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp chịu thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu và 10% đối với hàng bán trong nước.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Nhóm công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	1.890.055.867	183.881.918
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.217.775.460	5.446.189.096
Cộng	4.107.831.327	5.630.071.014

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6%/năm, trong đó, số dư tiền gửi có kỳ hạn là 25.800.000.000 VND đã được dùng để cầm cố, đảm bảo cho việc mở thư tín dụng tại ngân hàng – Xem thêm Mục 4.18.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	13.368.687.865	10.919.401.527
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất và Đầu tư Thép An Bình	151.159.393.803	111.420.891.611
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Và Đầu tư Đức Long	137.176.538.261	244.111.659
PT Blue Steel Industries	-	-
Các khách hàng khác (*)	76.239.028.603	47.587.685.844
Cộng	377.943.648.532	170.172.090.641

Trong đó, giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là 41.140.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo khoản cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.18.

(*) Tại ngày 31/12/2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất và Đầu tư Thép An Bình	103.654.524.901	-
Các nhà cung cấp khác	2.704.838.104	2.297.709.514
Cộng	106.359.363.005	2.297.709.514

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	7.740.659.931	(948.102.080)	7.722.946.990	(948.102.080)
Thuế GTGT để nghị hoàn	2.003.338.210	-	2.003.338.210	-
Phải thu khác (*)	13.749.439.914	(1.147.955.939)	4.725.273.523	(1.147.955.939)
Cộng	23.493.438.055	(2.096.058.019)	14.451.558.723	(2.096.058.019)

Dài hạn:

Ký cược, ký quỹ

2.230.591.187

-

4.089.504.983

-

(*) Tại ngày 31/12/2022, phải thu khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải thu khác ngắn hạn.

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	30.766.782.145	8.773.842.093	30.576.060.491	9.167.414.671



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
PT Blue Steel Industries	8.406.314.067	8.406.314.067	Trên 03 năm	8.406.314.067	8.406.314.067	Trên 03 năm
Công ty TNHH SX TM Thép Thành Chung	3.781.172.002	-	Trên 03 năm	3.781.172.002	-	Trên 03 năm
Công ty TNHH SX TM Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 03 năm Từ 01 năm đến trên 03 năm	2.896.315.858	-	Trên 03 năm Từ 01 năm đến trên 03 năm
Các khách hàng khác	15.682.980.218	367.528.026	trên 03 năm	15.492.258.564	761.100.604	trên 03 năm
Cộng	30.766.782.145	8.773.842.093		30.576.060.491	9.167.414.671	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND		VND	
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	4.523.617	-
Nguyên liệu, vật liệu	236.859.821.704	-	55.475.802.446	-
Công cụ, dụng cụ	57.192.648.933	-	64.521.341.130	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.520.538.943	-	3.752.704.082	-
Thành phẩm	528.077.301.795	-	475.066.083.76	-
Hàng hóa	413.545.450.281	-	407.456.027.919	-
Cộng	1.240.195.761.656	-	1.006.276.482.958	-

Giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm là 450.400.000.000 VND đã được dùng để thế chấp, bảo đảm cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.18.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
Xây dựng nhà xưởng và máy móc, dây chuyền sản xuất	177.431.037.370		176.045.891.409	
Sửa chữa lớn tài sản cố định	26.757.929.536		24.641.363.059	
Cộng	204.188.966.906		200.687.254.468	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	131.131.578.054	966.519.557.046	95.495.325.116	1.552.047.850	1.194.698.508.066
Mua trong năm	4.516.307.345	7.730.584.937	1.607.831.271	-	13.854.723.553
Mua lại tài sản thuê	-	9.556.666.600	20.551.447.418	-	30.108.114.018
Thanh lý, nhượng bán	-	(47.485.576.703)	(577.190.909)	-	(48.062.767.612)
Tại ngày 31/12/2022	135.647.885.399	936.321.231.880	117.077.412.896	1.552.047.850	1.190.598.578.025

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/01/2022	59.899.241.936	665.132.740.057	35.254.692.400	1.519.042.189	761.805.716.582
Khấu hao trong năm	6.621.599.655	102.873.882.270	12.635.235.801	23.602.968	122.154.320.694
Mua lại tài sản thuê	-	6.604.112.125	8.023.109.844	-	14.627.221.969
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.637.050.573)	(577.190.909)	-	(19.214.241.482)
Tại ngày 31/12/2022	59.899.241.936	665.132.740.057	35.254.692.400	1.519.042.189	879.373.017.763

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2022	71.232.336.118	301.386.816.989	60.240.632.716	33.005.661	432.892.791.484
Tại ngày 31/12/2022	69.127.043.808	180.347.548.001	61.741.565.760	9.402.693	311.225.560.262

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 160.200.402.530 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 101.909.491.640 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	11.240.727.730	574.800.000	11.815.527.730
Tại ngày 31/12/2022	11.240.727.730	574.800.000	11.815.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	4.396.679.279	574.800.000	4.971.479.279
Khấu hao trong năm	285.693.708	-	285.693.708
Tại ngày 31/12/2022	4.682.372.987	574.800.000	5.257.172.987
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	6.844.048.451	-	6.844.048.451
Tại ngày 31/12/2022	6.558.354.743	-	6.558.354.743

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 574.800.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	9.556.666.600	21.303.694.147	30.860.360.747
Thuê tài chính trong kỳ	30.730.344.077	-	30.730.344.077
Mua lại tài sản thuê	(9.556.666.600)	(21.303.694.147)	(30.860.360.747)
Tại ngày 31/12/2022	30.730.344.077	-	30.730.344.077
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	6.490.342.287	7.750.492.107	14.240.834.394
Khấu hao trong năm	2.269.993.370	272.617.739	2.542.611.109
Mua lại tài sản thuê	(6.604.112.125)	(8.023.109.846)	(14.627.221.971)
Tại ngày 31/12/2022	2.156.223.532	-	2.156.223.532
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	3.066.324.313	13.553.202.040	16.619.526.353
Tại ngày 31/12/2022	28.574.120.545	-	28.574.120.545

Sau khi Nhóm công ty hoàn thành mọi nghĩa vụ theo các hợp đồng thuê, Bên Cho thuê sẽ bán lại tài sản cho thuê và chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho thuê cho Nhóm công ty.

4.12. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí thuê đất trả trước nhiều kỳ (*)	36.725.742.211	38.024.521.747
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.098.417.516	455.369.083
Các khoản khác	783.777.425	570.955.525
Cộng	39.607.937.152	39.050.846.355

(*) Tiền thuê đất trả trước nhiều kỳ tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2 và III theo các hợp đồng thuê đất để xây dựng nhà máy cho đến năm 2055.

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của quyền sử dụng đất thuê đã dùng để thế chấp là 36.569.742.211 VND – Xem thêm Mục 4.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
				VND
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	2.371.045.892	2.371.045.892	112.412.111.477	112.412.111.477
Phải trả cho người bán:				
Ouda Yicahng Machinery and Electrical Equipment Manufacture Co., Ltd	69.099.560.194	69.099.560.194	66.961.116.437	66.961.116.437
Phải trả cho các đối tượng khác	55.294.640.664	55.294.640.664	30.396.291.927	30.396.291.927
Cộng	126.765.246.750	126.765.246.750	209.769.519.841	209.769.519.841

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
				VND
Nguyễn Kế An	5.000.000.000	-	4.545.022.001	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất và Đầu tư An Bình	3.455.022.001	3.455.022.001	7.524.567.685	7.524.567.685
Các khách hàng khác	8.401.664.797			
Cộng	16.856.686.798		12.069.589.686	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
						VND
Thuế giá trị gia tăng	29.784.287	141.297.715	-	4.480.081.865	-	4.591.595.293
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	87.981.685.549	87.981.685.549	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	64.765.623	64.765.623	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	40.541.329	-	-	-	40.541.329
Thuế thu nhập cá nhân	-	36.542.477	130.226.764	125.533.736	-	31.849.449
Các loại thuế khác	360.000	597.307.722	139.340.000	139.340.000	-	596.947.722
Cộng	30.144.287	815.689.243	88.316.017.936	92.791.406.773	-	5.260.933.793

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí phải trả các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	11.239.468.101	11.239.468.101
Chi phí phải trả cho nhân viên	1.818.784.595	1.105.632.595
Các khoản trích trước khác	2.421.522.970	2.421.522.135
Cộng	15.479.775.666	14.766.622.831

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả cho các bên liên quan	-	132.285.214.014
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.649.571.697	8.937.639.828
Cộng	21.649.571.697	141.222.853.842

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	1.208.901.563.184	1.208.901.563.184	1.914.929.996.464	1.120.740.505.290	414.712.072.010	414.712.072.010
Vay bên liên quan – Xem thêm Mục 8	17.103.274	17.103.274	238.719.000.000	239.079.489.904	377.593.178	377.593.178
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn phải trả	5.529.088.296	5.529.088.296	5.529.088.296	131.414.885	9.118.098.292	9.118.098.292
Cộng	1.214.447.754.754	1.214.447.754.754	2.159.178.084.760	1.359.951.410.079	424.207.763.480	424.207.763.480
Dài hạn:						
Nợ thuê tài chính	20.734.081.120	20.734.081.120	30.717.157.214	9.983.076.094	131.414.885	131.414.885
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn phải trả	(5.529.088.296)	(5.529.088.296)	-	-	(131.414.885)	(131.414.885)
Cộng	15.204.992.824	15.204.992.824	30.717.157.214	9.983.076.094	-	-
Tổng cộng	1.229.652.747.578	1.229.652.747.578	2.189.895.241.974	1.369.934.486.173	424.207.763.480	424.207.763.480

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngân hàng được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KCN Sóng Thần với tổng hạn mức:
 - + Từ 05/05/2022 đến 30/06/2022: Tổng hạn mức là 240.000.000.000 VND (hai trăm bốn mươi tỷ VND);
 - + Từ 01/07/2022 đến 18/08/2022: Tổng hạn mức là 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ VND);
 - + Từ 14/11/2022 đến 31/12/2022: Tổng hạn mức là 250.000.000.000 VND (hai trăm năm mươi tỷ VND)

Lãi suất 5,60 – 8,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép, tôn cuộn các loại; Mỡ LC; Chiết khấu; Phát hành bảo lãnh và các hình thức cấp tín dụng khác. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc – Xem thêm các Mục 4.9; hàng hóa nhập khẩu – Xem thêm các Mục 4.7 và các Quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp các bên liên quan – Xem thêm Mục 8.

- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương với hạn mức tín dụng 360.000.000.000 VND (ba trăm sáu mươi tỷ VND), lãi suất 5,60 – 7,60%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền đòi nợ luân chuyển – Xem thêm các Mục 4.3; Máy móc thiết bị – Xem thêm các Mục 4.9; Hàng hóa thuộc sở hữu của Công ty tại kho Sóng Thần III, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Kho Thanh Trúc, 300/20 đường DT 743A, khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam – Xem thêm các Mục 4.7; và Quyền sử dụng đất thuê tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần III – Xem thêm Mục 4.12.

- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp với hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 VND (sáu trăm tỷ VND), lãi suất 6,2% - 9,3%, để bổ sung vốn lưu động, được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm Mục 4.2, toàn bộ hàng hoá là kẽm thời, sắt thép các loại (hoặc phế liệu) được nhập khẩu/ mua trong nước và thanh toán trực tiếp qua Sacombank hoặc thành phẩm tôn thép mạ kẽm, mạ màu (trừ phế liệu) được sản xuất từ nguyên liệu thế chấp cho Sacombank – Chi nhánh Gò Vấp – Xem thêm Mục 4.7; các Quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp các bên liên quan – Xem thêm Mục 8.

Các khoản vay cá nhân được chi tiết như sau:

Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thị Bích Liên bằng hình thức tín chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Khoản nợ thuế tài chính là khoản thuế tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam có thời hạn thuế từ 48 tháng, lãi suất thuế từ 8,28%/năm.

Các khoản nợ thuế tài chính được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

Thời hạn:	Tại ngày 31/12/2022				Tại ngày 01/01/2022			
	VND				VND			
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc		Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	
Từ 1 năm trở xuống	7.016.021.406	1.486.933.110	5.529.088.296		9.647.421.247	529.322.955	9.118.098.292	
Trên 1 năm đến 5 năm	16.964.844.036	1.759.851.212	15.204.992.824		-	-	-	
Cộng	23.980.865.442	3.246.784.322	20.734.081.120		9.647.421.247	529.322.955	9.118.098.292	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.19. Vốn chủ sở hữu

4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng VND
	VND	VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của vốn chủ sở hữu	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	196.223.515.570	1.010.666.484.196
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	56.129.713.567	56.129.713.567
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.321.546.719)	(2.321.546.719)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.869.244.531	-	(3.869.244.531)	-
Trích Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	280.648.568	(280.648.568)	-
Chi Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)
Tại ngày 01/01/2022	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	49.202.852.835	2.584.769.934	245.881.789.319	1.064.369.651.044
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(152.650.156.856)	(152.650.156.856)
Chi Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	49.202.852.835	2.506.769.934	93.231.632.463	911.641.494.188

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	292.202.130.000	292.202.130.000
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	118.632.890.000	118.632.890.000
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	78.999.520.000	78.999.520.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	62.443.780.000	62.443.780.000
Cổ đông khác	62.077.720.000	62.077.720.000
Cộng	614.356.040.000	614.356.040.000

4.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(804.620)	(804.620)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	60.630.984	60.630.984

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.19.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty mẹ	(152.650.156.856)	56.129.713.567
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.602.195.287)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(152.650.156.856)	53.527.518.280
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.630.984	60.630.984
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.518)	883

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty mẹ	(152.650.156.856)	56.129.713.567
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.602.195.287)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(152.650.156.856)	53.527.518.280
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.630.984	60.630.984
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.518)	883

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	38.072,36	157.415,28

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa nội địa	1.544.938.492.403	1.235.150.369.930
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu	57.543.704.746	104.313.688.505
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.583.638.707	4.947.562.517
Doanh thu các lĩnh vực khác	6.921.068.034	37.429.281.182
Cộng	1.613.986.903.890	1.381.840.902.134

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

	61.293.231.629	305.392.835.989
--	----------------	-----------------

Nguyên nhân tăng doanh thu năm nay so với năm trước được thuyết minh tại Mục 1.5.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa nội địa	1.531.929.438.674	1.097.183.868.533
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu	35.282.077.213	81.062.252.240
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.951.556.078	7.984.137.094
Giá vốn các lĩnh vực khác	4.942.883.028	32.544.437.714
Cộng	1.574.105.954.993	1.218.774.695.581

Nguyên nhân tăng giá vốn năm nay so với năm trước được thuyết minh tại Mục 1.5.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	87.372.375	811.866.283
Lãi tiền gửi	314.271.595	96.483.454
Khác	2.755	17.430.404
Cộng	401.643.970	925.780.141

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	56.027.187.576	42.738.038.151
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.144.856.178	291.751.044
Chi phí tài chính khác	-	2.581.700
Cộng	74.172.043.754	43.032.370.895

Chi phí tài chính năm nay tăng 72% so với năm trước là do năm nay Nhóm công ty vay nhiều để bổ sung vốn lưu động làm cho lãi vay tăng, lỗ chênh lệch tỷ giá tăng so với năm trước là do ảnh hưởng của tăng tỷ giá đồng Đô la Mỹ trong năm 2022.

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí quảng cáo	3.502.910.946	2.350.833.473
Chi phí vận chuyển và phí cho hàng xuất khẩu	709.703.895	3.377.761.641
Chi phí nhân viên	1.630.629.904	1.137.492.065
Các khoản chi phí bán hàng khác	963.431.959	882.949.970
Cộng	6.806.676.704	7.749.037.149

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	9.599.479.772	6.853.040.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.019.931.152	4.961.313.980
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	584.294.232	380.268.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.082.977.337	1.953.138.610
Các khoản chi phí QLDN khác	2.738.405.351	2.191.739.300
Cộng	21.025.087.844	16.339.500.370

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng so với năm trước chủ yếu do số lượng nhân viên tăng lên khoảng 24%.

5.7. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí khấu hao của tài sản cố định tạm ngưng hoạt động	61.932.196.761	41.483.491.435
Chi phí khác do tạm ngưng hoạt động	-	6.364.896.539
Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng	250.786.111	-
Các khoản khác	588.632.777	301.437.894
Cộng	62.771.615.649	48.149.825.868

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.312.831.603.379	736.081.865.384
Chi phí nhân công	24.175.715.129	14.462.810.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.641.966.530	69.801.717.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.912.939.778	30.287.001.570
Chi phí khác bằng tiền	5.205.986.481	3.877.700.110
Cộng	1.495.768.211.297	854.511.095.349

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất TNDN của từng công ty trong Nhóm công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN năm nay</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	20%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	15%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	20%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.153.648.996.464	1.044.481.626.500

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.369.803.071.288)	(1.465.346.946.871)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm công ty là sản xuất và kinh doanh sắt, thép. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức
2. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL
3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
 Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	13.368.687.865	7.901.401.527
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT	-	3.018.000.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	13.368.687.865	10.919.401.527
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn khác là các khoản chi hộ và tạm ứng:		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	3.996.334.813	3.996.334.813
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	3.371.312.798	2.908.051.257
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT	373.012.320	818.560.920
Cộng – Xem thêm Mục 4.5	7.740.659.931	7.722.946.990
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.13:		
Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	(2.371.045.892)	(112.412.111.477)
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT	(3.386.803.713)	(3.386.803.713)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Chủ tịch HĐQT	(7.552.082.184)	(7.552.082.184)
Bà Nguyễn Thanh Dung, Bên liên quan	(170.892.291)	(170.892.291)
Bà Nguyễn Thanh Loan, Bên liên quan	(129.689.913)	(129.689.913)
Cộng – Xem thêm Mục 4.16	(11.239.468.101)	(11.239.468.101)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.18:		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Chủ tịch HĐQT	(17.103.274)	(17.103.274)
Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	61.293.231.629	305.392.835.989
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	6.199.041.750	131.537.516.742
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT:		
Vay tiền	343.468.926.385	374.011.000.000
Trả tiền vay	477.630.677.614	408.613.812.628
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Nhóm công ty được chi tiết như sau:		
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	63.763.400	151.015.400
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	278.433.900	271.167.800
Bà Nguyễn Thanh Dung	384.253.800	297.092.100
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	262.847.500	245.133.100
Bà Nguyễn Thanh Loan	245.878.700	-
Ông Võ Thanh Lâm	304.882.100	-
Các thành viên quản lý chủ chốt khác	-	2.383.030.355
Cộng	1.540.059.400	3.347.438.755

9. THU NHẬP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm Nhóm công ty không chi trả thù lao cho Ủy ban Kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2021 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	883	893
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	883	893

Việc báo cáo lại số liệu so sánh của lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu nêu trên là do lợi nhuận để tính chỉ tiêu này được điều chỉnh theo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2021 vào Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 08 tháng 06 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc
(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Người lập

Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

